

Số: /BC-TTYT

Đà Lạt, ngày tháng 4 năm 2024

## BÁO CÁO

### Công tác kiểm tra Y tế trường học năm học 2023 - 2024

Thực hiện Kế hoạch số 1351/KH-UBND ngày 07/3/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng về triển khai Chương trình y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và Thông báo số 258/TB-UBND ngày 15/03/2024 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Lạt về việc thực hiện kiểm tra công tác Y tế trường học trên địa bàn thành phố Đà Lạt năm học 2023 - 2024. Trung tâm Y tế Đà Lạt triển khai kiểm tra công tác y tế trường học năm học 2023 - 2024 với kết quả như sau:

#### I. THÔNG TIN CHUNG

- Dân số chung: 234.583 Số xã, phường: 16 Số tổ dân phố: 204
- Số trường học, học sinh, giáo viên trên địa bàn:

Cấp học	Số trường	Số lớp	Số học sinh	Số giáo viên	Số trường có PYT	Số trường có CBYT		
						Y sỹ	ĐDTH /NHS	Kiểm nhiệm
<b>I. Đối tượng áp dụng theo Thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT</b>								
Mầm non	17	184	6.350	367	17	13	0	04
Mầm non tư thục	16	122	4.080	267	16	03	03	10
Tiểu học	27	485	19.707	779	27	22	03	02
THCS	05	218	10.159	404	05	04	01	0
THPT	04	129	5.237	311	04	04	0	0
Trường liên cấp	08	258	10.715	494	08	06	02	0
<b>Tổng</b>	<b>77</b>	<b>1.396</b>	<b>56.248</b>	<b>2.622</b>	<b>77</b>	<b>52</b>	<b>09</b>	<b>16</b>
<b>II. Các cơ sở giáo dục khác</b>								
Đại học, Cao đẳng	06	270	14.357	774	06	04	0	02
Trường dành cho trẻ khuyết tật	02	27	221	34	02	02	0	0
Trường khác	02	24	2.024	36	01	0	0	02
<b>Tổng</b>	<b>10</b>	<b>321</b>	<b>16.602</b>	<b>844</b>	<b>09</b>	<b>06</b>	<b>0</b>	<b>04</b>
<b>Tổng chung</b>	<b>87</b>	<b>1.717</b>	<b>72.850</b>	<b>3.466</b>	<b>86</b>	<b>58</b>	<b>09</b>	<b>20</b>

\* Ngoài ra còn thực hiện kiểm tra tại 19 phân hiệu, 33 cơ sở mẫu giáo, 66 nhà trẻ trên địa bàn.

3. Có kế hoạch của thành phố về Y tế trường học Có  Không
4. Số xã, phường có kế hoạch năm về Y tế trường học: 16 xã/phường.
5. Số trường có kế hoạch năm về Y tế trường học: 87 trường.
6. Thành phố có Ban chỉ đạo công tác Y tế trường học hoặc ban chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiệm vụ về Y tế trường học Có  Không
7. Số xã/phường có Ban chỉ đạo công tác Y tế trường học hoặc ban chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiệm vụ về Y tế trường học: 16 xã/phường.

**II. HOẠT ĐỘNG Y TẾ TRƯỜNG HỌC** (Quy định tại Thông tư số 13/2016 /TTLT-BYT -BGDDT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục - Đào tạo)

**1. Bảo đảm môi trường thực thi chính sách và xây dựng các mối quan hệ xã hội trong trường học, liên kết cộng đồng**

TT	Nội dung	Mầm Non		MNTT		Tiểu Học		THCS		THPT		PT nhiều cấp	
		TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt
1	Trường có Ban chăm sóc sức khỏe học sinh có phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
2	Ban chăm sóc sức khỏe học sinh có tổ chức họp tối thiểu 01 lần/học kỳ	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
3	Trường có các quy định để thực hiện các chính sách, chế độ chăm sóc sức khỏe học sinh	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
4	Trường có xây dựng mối quan hệ tốt giữa thầy cô giáo với học sinh và học sinh với học sinh	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
5	Trường có xây dựng mối liên hệ giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe học sinh để giúp đỡ, hỗ trợ	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08

**2. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định**

TT	Nội dung	Mầm Non		MNTT		Tiểu Học		THCS		THPT		PT nhiều cấp	
		TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt
1	Điều kiện về phòng học	17	17	16	13	27	11	05	01	04	03	08	02
2	Điều kiện về bàn ghế	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
3	Điều kiện về bảng phòng học	/	/	/	/	27	27	05	05	04	04	08	08
4	Điều kiện về chiếu sáng	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
5	Điều kiện về thiết bị, đồ chơi trẻ em	17	17	16	16	/	/	/	/	/	/	/	/
6	Điều kiện về nước ăn uống	17	17	16	15	27	27	05	05	04	04	08	07
7	Điều kiện về nước sinh hoạt	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
8	Điều kiện về công trình vệ sinh	17	17	16	16	27	24	05	04	04	03	08	06
9	Điều kiện về thu gom, xử lý chất thải	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
10	Điều kiện về an toàn thực phẩm	17	17	16	16	26	26	/	/	04	04	05	05

**3. Bảo đảm điều kiện chăm sóc sức khỏe**

TT	Nội dung	Mầm Non		MNTT		Tiểu Học		THCS		THPT		PT nhiều cấp	
		TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt
1	Trường có phòng y tế trường học	17	17	16	15	27	25	05	05	04	04	08	08
2	Trường có phòng y tế có đủ điều kiện CSSK học sinh	17	17	16	15	27	27	05	05	04	04	08	08

TT	Nội dung	Mầm Non		MNTT		Tiểu Học		THCS		THPT		PT nhiều cấp	
		TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt
3	Trường có nhân viên y tế trường học	17	10	16	6	27	24	05	05	04	04	08	08
4	Trường thực hiện theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08

#### 4. Quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe học sinh

TT	Nội dung	Mầm Non		MNTT		Tiểu Học		THCS		THPT		PT nhiều cấp	
		TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt
1	Kiểm tra sức khỏe học sinh đầu năm học	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
2	Theo dõi tăng trưởng, phát triển, tình trạng dinh dưỡng của học sinh	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
3	Phát hiện các nguy cơ sức khỏe và bệnh tật của học sinh	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
4	Sơ cấp cứu	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
5	Tư vấn sức khỏe cho học sinh	/	/	/	/	27	27	05	05	04	04	08	08
6	Tổ chức bữa ăn học đường, đảm bảo dinh dưỡng hợp lý	17	17	16	16	24	24	/	/	01	01	02	02
7	Quản lý và theo dõi sức khỏe học sinh.	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08

TT	Nội dung	Mầm Non		MNTT		Tiểu Học		THCS		THPT		PT nhiều cấp	
		TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt
8	Kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh trường học	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
9	Triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
10	An toàn thực phẩm	17	17	16	16	24	24	0	0	04	04	07	07
11	Triển khai các chương trình y tế và vệ sinh phòng bệnh	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08

### 5. Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe

TT	Nội dung	Mầm Non		MNTT		Tiểu Học		THCS		THPT		PT nhiều cấp	
		TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt	TS trường	Số Trường đạt
1	Phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
2	Phòng chống ngộ độc thực phẩm	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
3	Dinh dưỡng hợp lý	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
4	Hoạt động thể lực nâng cao sức khỏe	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
5	Phòng chống tác hại thuốc lá	/	/	/	/	/	/	05	05	04	04	08	08
6	Phòng chống tác hại rượu bia	/	/	/	/	/	/	05	05	04	04	08	08
7	Phòng chống bệnh, tật học đường	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
8	Chăm sóc răng miệng	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
9	Phòng chống các bệnh về mắt	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08
10	Phòng chống tai nạn thương tích	17	17	16	16	27	27	05	05	04	04	08	08

**6. Kết quả xếp loại đánh giá công tác y tế trường học của đơn vị kiểm tra: Số trường được đánh giá: 77 trường.**

Cấp học	Tổng số trường	Kết quả					
		Tốt	Tỷ lệ (%)	Khá	Tỷ lệ (%)	Trung bình	Tỷ lệ (%)
Mầm non	17	17	100	0	0	0	0
MNTT	16	15	93,75	01	6,25	0	0
Tiểu học	27	27	100	0	0	0	0
THCS	05	05	100	0	0	0	0
THPT	04	04	100	0	0	0	0
PT Nhiều cấp	08	07	100	01	12,5	0	0
<b>Tổng</b>	<b>77</b>	<b>75</b>	<b>97,40</b>	<b>02</b>	<b>2,60</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

### III. NHẬN XÉT – ĐÁNH GIÁ

#### 1. Ưu điểm

- 100% các trường học đều quan tâm và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ về chăm sóc sức khỏe cho học sinh, công tác Y tế trong trường học; điều kiện học tập và vệ sinh môi trường trong trường học mỗi năm luôn được cải thiện.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động công tác y tế trường học từ đầu năm học; kiện toàn Ban chăm sóc sức khỏe học sinh, duy trì họp Ban Chỉ đạo chăm sóc sức khỏe học sinh định kỳ; xây dựng và thực hiện các chính sách, quy định chế độ chăm sóc sức khỏe học sinh trong trường học; xây dựng mối quan hệ tốt giữa thầy cô giáo với học sinh, học sinh với học sinh, giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các khối phòng đáp ứng hoạt động chuyên môn và phù hợp với điều kiện thực tế.

- Duy trì công tác xây dựng trường học Xanh - Sạch - Đẹp như trồng hoa, cây xanh, cây cảnh và tôn tạo cảnh quan môi trường; trang bị đầy đủ dụng cụ thu gom được bố trí độc lập, ở cuối hướng gió không ảnh hưởng đến môi trường.

- 173 cơ sở bếp ăn tập thể, căn tin trường học, các nhà trẻ tư nhân cơ bản đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ, con người và nguồn gốc xuất xứ hàng hóa.

- Chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch theo hướng dẫn tại Thông tư số 46/2010/TT-BYT ngày 29/12/2010 của Bộ Y tế và các hướng dẫn khác về phòng chống dịch không để tình trạng dịch bệnh lây lan trong trường học. Duy trì hệ thống thông tin báo dịch kịp thời có chất lượng từ trường với các Trạm Y tế tại địa phương.

- Thực hiện truyền thông giáo dục sức khỏe bằng nhiều hình thức, được lồng ghép trong các môn học chính khóa các buổi sinh hoạt ngoại khóa, giờ chào cờ. Các nội dung truyền thông như: vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, giáo dục giới tính, phòng chống HIV/AIDS... Đặc biệt các trường đã phối hợp với y tế địa phương tăng cường truyền thông phòng, chống bệnh Tay chân miệng; thủy đậu; quai bị,...

## **2. Hạn chế, khó khăn**

### **2.1. Điều kiện về cơ sở vật chất**

- Diện tích trung bình của học sinh/diện tích lớp học không đạt:
- + Hệ Mầm non: MNTT Mimosa, MNTT Thanh Tâm, MNTT Mê Linh.
- + Hệ tiểu học: 16 trường (*TH Đoàn Kết, TH Đoàn Thị Điểm, TH Trung Vương, TH Lê Quý Đôn, TH Cửu Long, TH Mê Linh, TH Trần Bình Trọng, TH Lê Lợi, TH Phước Thành, TH Đa Thiện, TH Nguyễn Trãi, TH Phan Như Thạch, TH Lý Thường Kiệt, TH Thái Phiên, TH Xuân Trường và TH Tà Nung*).
- + Hệ Trung học cơ sở: 03 trường (*THCS Nguyễn Du, THCS Quang Trung, THCS Lam Sơn*).
- + Hệ trường liên cấp: 06 trường (*Tây Sơn, Đống Đa, Chi Lăng, Hermann Gmeiner, Xuân Trường và Tà Nung*).
- + Hệ trung học phổ thông: Trường THPT Bùi Thị Xuân

### **2.2. Điều kiện về cấp thoát nước và vệ sinh môi trường**

- Công trình vệ sinh của một số trường đã xuống cấp, hư hỏng: TH Lê Lợi, Trường liên cấp Đống Đa và Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Lâm Đồng.
- Số lượng thiết bị công trình vệ sinh không đủ: Trường TH Mê Linh, TH Lê Lợi, THCS Quang Trung; THPT Thăng Long; Trường Liên cấp Tây Sơn, Đống Đa.
- Xử lý vệ sinh chưa kịp thời, còn mùi hôi: Trường liên cấp Hermann Gmeiner và Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Lâm Đồng
- Hệ thống cống rãnh thoát nước thải còn nước ứ đọng: Trường TH Phước Thành.
- Chưa thực hiện kiểm nghiệm nguồn nước hệ thống lọc: MNTT Thiên Ân, THCS-THPT Xuân Trường.
- Cơ sở vật chất xuống cấp, trần tường ẩm mốc, thấm dột: Trường THCS-THPT Tà Nung, Trường chính trị Lâm Đồng.

### **2.3. Điều kiện về chăm sóc sức khỏe học sinh**

- Trường học không có cán bộ y tế:
- + Hệ mầm non công lập: 04 trường (*Trường MN5, MN11, MN12 và MN Trạm Hành*).
- + Hệ Mầm non tư thực: 10 trường (*MNTT Mimosa, MNTT Thiên Ân, MNTT Thiên Ý, MNTT Thiên Hương, MNTT Thanh Tâm, MNTT Họa Mi, MNTT Du Sinh, MNTT Thiên Thần Nhỏ, MNTT Hiến Linh và MNTT Mê Linh*).
- + Hệ tiểu học: 02 trường (*TH Nam Thành và TH Trạm Hành*).
- + Hệ Cao đẳng – Đại học: Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt.
- Phòng y tế chưa riêng biệt còn ghép chung với các phòng chức năng khác: Trường TH Đoàn Kết, TH Trạm Hành.
- Trường học không có phòng Y tế và trang thiết bị y tế: Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Lâm Đồng.
- Chưa thường xuyên theo dõi, tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh: Trường liên cấp Hermann Gmeiner, Trường liên cấp Xuân Trường và Trường liên cấp Tà Nung.
- Trình độ chuyên môn của một số cán bộ y tế trường học chưa đáp ứng được theo yêu cầu quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT quy định (chủ yếu tập trung ở hệ Mầm non tư thực) do vậy việc thực hiện công tác chuyên môn chưa đảm bảo như: kỹ năng ghi chép hồ sơ sổ sách; công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức cho học sinh còn nhiều hạn chế; trang bị thuốc thiết yếu và dụng cụ y tế chưa đầy đủ...
- 11/66 nhóm trẻ chưa được UBND địa phương cấp quyết định cho phép hoạt động (*phường 4: 01, phường 6: 01, phường 7: 04, phường 8: 01, phường 10: 01,*

phường 12: 02 và Trạm Hành: 01). Một số nhóm trẻ gia đình không đạt yêu cầu về nhân sự, trình độ chuyên môn, cơ sở vật chất, phương tiện nuôi dạy, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và sự phát triển toàn diện cho các cháu; phòng sinh hoạt, nơi ngủ, bếp ăn chủ yếu là tận dụng những phòng của hộ gia đình không đảm bảo tiêu chuẩn; bữa ăn cho trẻ chưa đảm bảo dinh dưỡng.

#### **IV. KIẾN NGHỊ**

##### **1. Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Lạt chỉ đạo:**

- Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp các ngành chức năng tổ chức kiểm tra các tiêu chuẩn cho phép hoạt động đối với cơ sở mẫu giáo và nhà trẻ tư, nhóm trẻ gia đình.

- Phòng Y tế Đà Lạt tăng cường công tác quản lý đối với bếp ăn tập thể các trường học. Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất về an toàn thực phẩm (ATTP) qua đó giúp các trường thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, thực hành tốt các biện pháp đảm bảo ATTP nhằm hạn chế ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

- Ủy ban nhân dân các phường, xã thường xuyên tổ chức kiểm tra việc nuôi dạy trẻ và chỉ cấp quyết định cho các cơ sở mẫu giáo và nhà trẻ tư, nhóm trẻ gia đình hoạt động khi có đủ tiêu chuẩn nuôi dạy trẻ và được thẩm định về chuyên môn của Trường Mầm non.

##### **2. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Lạt chỉ đạo các trường học:**

- Khẩn trương khắc phục những tồn tại mà Đoàn kiểm tra đã nêu ra trong thời gian sớm nhất.

- Quan tâm sắp xếp bố trí nhân viên Y tế trường học đáp ứng quy định Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT; kinh phí mua sắm trang thiết bị, thuốc thiết yếu theo quy định để thực hiện chăm sóc sức khỏe cho học sinh tại trường; Phối hợp cùng Trạm Y tế địa phương triển khai hoạt động tiêm chủng vắc xin cho học sinh.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động phát hiện và tư vấn các bệnh tật học đường cho học sinh. Thường xuyên thực hiện công tác truyền thông giáo dục sức khỏe về phòng chống các dịch bệnh theo mùa, tai nạn thương tích, an toàn thực phẩm, phòng chống HIV/AIDS...

- Duy trì thực hiện Thông tư Liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục - Đào tạo về việc Quy định về công tác y tế trường học.

##### **3. Đối với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng**

Sớm có kế hoạch phối hợp mở các lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên Y tế trường học quy định tại Thông tư số 28/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Trên đây là Báo cáo công tác kiểm tra Y tế trường học năm học 2023 – 2024 của Trung tâm Y tế Đà Lạt./.

##### **Nơi nhận:**

- Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng;
- Sở GD-ĐT tỉnh Lâm Đồng;
- UBND thành phố Đà Lạt;
- TTKSBT tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Y tế Đà Lạt;
- UBND 16 phường, xã;
- Các đơn vị Y tế trực thuộc;
- Lưu: VT, NV-KH-DS, Khoa YTDP.PTHY.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phạm Đắc Nguyễn**